

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ NGHỆ AN

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2025

MỤC LỤC

Phần I: THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát
2. Ngành nghề kinh doanh
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
4. Định hướng phát triển
5. Các rủi ro.

Phần II: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tổ chức và nhân sự
3. Tình hình tài chính
4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
5. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

Phần III: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA GIÁM ĐỐC

1. Tình hình tài chính
2. Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Phần IV: ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của công ty
2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban giám đốc
3. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT

Phần V: QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị
2. Ban kiểm soát
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

Phần VI: BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán
2. Báo cáo được tài chính kiểm toán

PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

Tên công ty	:	CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ NGHỆ AN
Tên Tiếng Anh	:	NGHỆ AN URBAN ENVIRONMENT AND WORKS JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	:	URENCONA
Giấy CNĐKKD	:	2900326985 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 22 tháng 01 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 3 tháng 01 năm 2025.
Vốn điều lệ	:	36.699.990.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	:	36.699.990.000 đồng
Địa chỉ	:	Số 360 đường Đặng Thai Mai, phường Vinh Hưng, tỉnh Nghệ An
Số điện thoại	:	0889222678
Website	:	http://moitruongdothinghean.com.vn

* Quá trình hình thành, phát triển

Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Nghệ An, tiền thân là Xí nghiệp vệ sinh, được thành lập theo Quyết định số 1204/UBND ngày 10/10/1973 của UBND tỉnh Nghệ Tĩnh về việc thành lập Xí nghiệp vệ sinh Thành phố Vinh,

Trải qua nhiều giai đoạn phát triển, công ty đã nhiều lần chuyển đổi mô hình tổ chức, thay đổi tên như Năm 1990: Xí nghiệp vệ sinh thành phố được đổi tên thành Công ty môi trường đô thị thành phố Vinh.

Năm 2009: Công ty được đổi tên thành Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị thành phố Vinh, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, đơn vị chủ quản là UBND Tỉnh Nghệ An.

Năm 2011: Đổi tên thành Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Nghệ An

Theo Quyết định số 5215/QĐ-UBND ngày 09/11/2015 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị tỉnh Nghệ An., Công ty đã tiến hành bán đấu giá cổ phần tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội (HNX) để thực hiện cổ phần hóa, với kết quả thực hiện bán đấu giá cổ phần như sau:

- + Tổng số lượng cổ phần đưa ra đấu giá: 1.187.369 cổ phần
- + Giá khởi điểm: 10.000 đồng/cổ phần
- + Giá đấu thành công cao nhất: 10.000 đồng/cổ phần
- + Giá đấu thành công thấp nhất: 10.000 đồng/cổ phần

+ Giá đầu thành công bình quân: 10.000 đồng/cổ phần

Ngày 25/5/2016, Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Nghệ An tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông lần đầu với nhiều quyết định quan trọng được thông qua như: Bầu Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

Ngày 02/06/2016, Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần theo giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2900326985 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 22/01/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 02 tháng 06 năm 2016, với số vốn điều lệ là 38.585.100.000 đồng. Tuy nhiên, theo quyết định số 5760/QĐ-UBND ngày 28/11/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An, về việc điều chỉnh vốn điều lệ, vốn nhà nước tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần Công ty cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Nghệ An, Vốn điều lệ hiện tại của Công ty là 36.699.990.000 đồng.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Quét, thu gom rác đường, hè phố và các nơi công cộng;
- Thu gom rác thải sinh hoạt, xây dựng, công nghiệp cho các cơ quan đơn vị và đến tận các hộ gia đình, hút, thông tắc hầm cầu, bể phốt;
- Bốc và vận chuyển rác về khu xử lý chất thải, tổ chức thu giá dịch vụ vệ sinh môi trường.
- Ứng dụng, chế biến phân rác và tái chế chất thải;
- Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật, thủy lợi, đường dây và trạm biến áp; - Lắp đặt, sửa chữa, nạo vét hệ thống các mương cống thoát nước (bao gồm kênh, mương, cống thoát nước, vỉa hè và nhà vệ sinh);
- Thu gom rác thải không độc hại;
- Thu gom rác thải độc hại;
- Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại;
- Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại;
- Tái chế phế liệu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Đầu tư, xây dựng, quản lý, khai thác, vận hành và duy tu bảo dưỡng Nghĩa trang;
- Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ:
 - + Dịch vụ địa táng, hỏa táng, các dịch vụ có liên quan khác;
 - + Bảo quản thi hài, khâm liệm và các dịch vụ chuẩn bị cho địa táng, hỏa táng;
 - + Dịch vụ nhà tang lễ;
 - + Bán đất xây mộ hoặc cho thuê đất đào mộ;
 - + Trông coi nghĩa trang.
- Tư vấn xử lý môi trường
- Xây dựng nhà các loại

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ

+ Vận tải phế liệu, phế thải, rác thải;

+ Bốc và vận chuyển rác về khu xử lý chất thải.

+ Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan: Cung cấp dịch vụ trồng, chăm sóc cây xanh, cây cảnh, bồn hoa, thảm cỏ.

+ Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí.

+ Lắp đặt hệ thống điện

+ Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Thiết kế các công trình cây xanh, cây cảnh

+ Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt.

+ Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu: Tư vấn xử lý môi trường.

+ Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt.

+ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

+ Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu: Mua, bán buôn, sơ chế phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại.

+ Xây dựng công trình thủy.

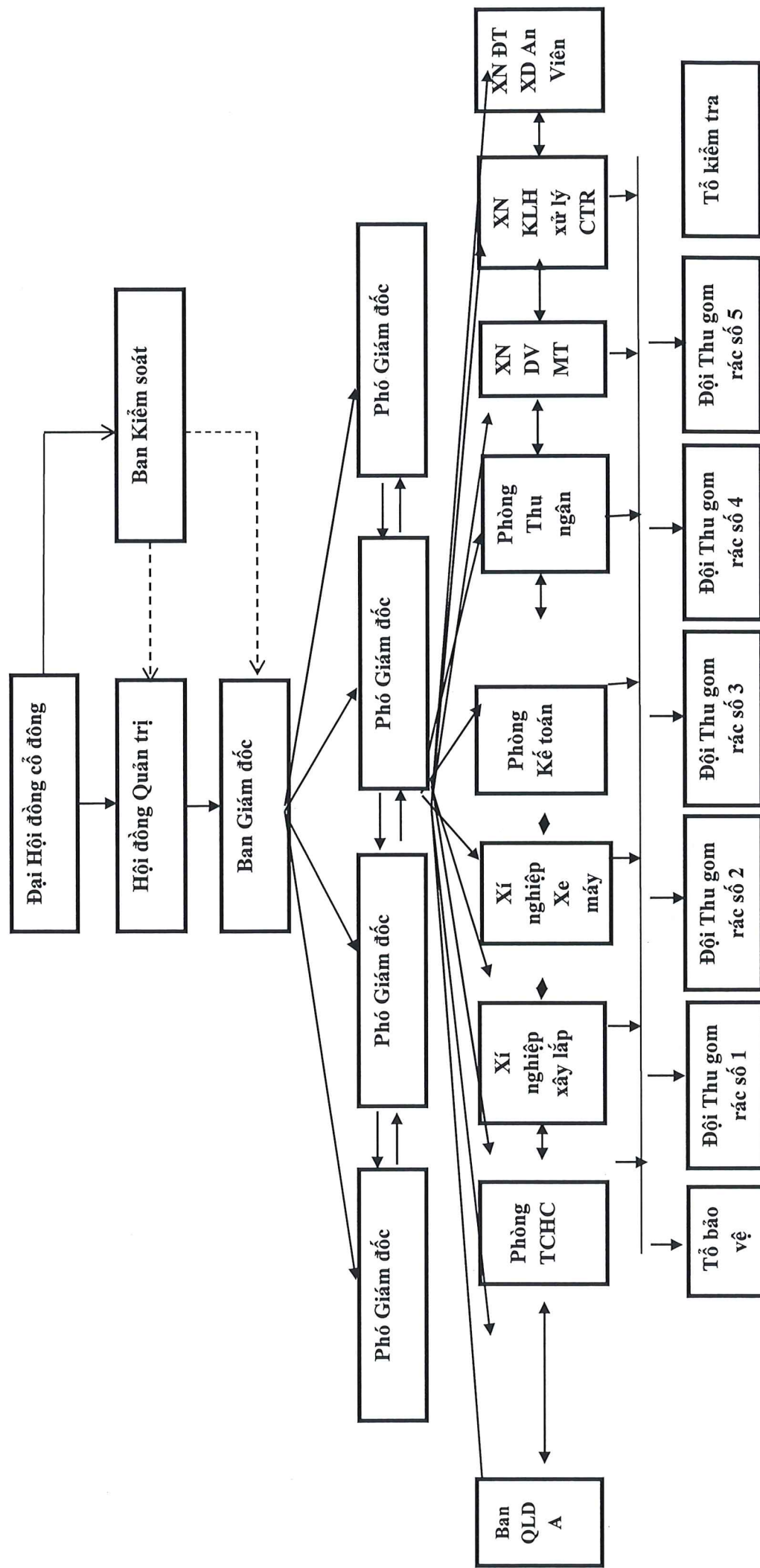
+ Xây dựng công trình khai khoáng.

+ Lắp đặt hệ thống xây dựng khác.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Hình 1: Sơ đồ tổ chức bộ máy CTCP Môi trường và Công trình đô thị Nghệ An

(Nguồn: CTCP Môi trường và Công trình đô thị Nghệ An)



❖ **Đại hội đồng cổ đông:**

Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của công ty cổ phần. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nhiệm vụ thông qua định hướng phát triển, quyết định các phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh; quyết định sửa đổi bổ sung điều lệ; bầu miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; quyết định tổ chức lại, giải thể công ty cổ phần và các quyền, nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty hiện hành..

❖ **Hội đồng quản trị:**

Là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty cổ phần do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Hội đồng quản trị nhân danh Công ty cổ phần quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của Công ty cổ phần, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát hoạt động của Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong Công ty cổ phần. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do pháp luật, điều lệ công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty cổ phần, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định.

Hội đồng quản trị của Công ty gồm 05 thành viên.

❖ **Ban kiểm soát:**

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính nhằm đảm bảo các lợi ích hợp pháp của cổ đông. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.

❖ **Ban Giám đốc công ty**

Ban giám đốc CTCP Môi trường và Công trình Đô thị Nghệ An có chức năng điều hành trực tiếp các hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của công ty, và theo quy chế phân công nhiệm vụ của các thành viên Ban giám đốc công ty hướng đến các mục tiêu kinh doanh trong từng giai đoạn, tuân thủ các chủ trương, chiến lược, kế hoạch hoạt động do Hội đồng quản trị đưa ra, chịu sự chỉ đạo giám sát của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty.

❖ **Phòng Tổ chức hành chính có chức năng nhiệm vụ:**

Phòng tổ chức hành chính là bộ phận tham mưu giúp việc cho HĐQT, Chủ tịch HĐQT và Ban Giám đốc Công ty trong công tác xây dựng quản lý nhân sự lao động của Công ty. Tham mưu về công tác đào tạo, bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động đội ngũ cán bộ, tuyển dụng lao động mới; xây dựng đơn giá tiền lương, định mức lao động, lập kế hoạch trang bị bảo hộ lao động, phương tiện, thiết bị bảo vệ cá nhân, dụng cụ văn phòng công ty. Tham mưu giải quyết các chế độ cho người lao động, hướng dẫn kiểm tra chỉ đạo các đơn vị thực hiện chế độ chính sách của Nhà nước và các quy định của Công ty. Phối hợp với các đơn vị trực thuộc thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn vệ sinh lao động. Ngoài ra, phòng có nhiệm vụ hành chính và lễ tân, đón tiếp khách, phục vụ hội nghị, văn thư, in ấn tài liệu, y tế, bảo vệ, công vụ, điều động xe, và thừa lệnh Giám đốc ký một số văn bản của công ty.

❖ **Phòng Kế toán có chức năng nhiệm vụ**

Tham mưu về công tác tài chính kế toán, phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo quy định của Luật Kế Toán, Tổng hợp quyết toán trong toàn công ty, báo cáo các cơ quan quản lý nhà nước theo quy định; Tham mưu thực hiện nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động, đóng các khoản thuế, quỹ cho Nhà nước đúng quy định; Thống kê, quản lý tài sản, nguồn vốn doanh nghiệp.

Quản lý tài chính, quản lý sử dụng vốn có hiệu quả, bảo toàn và phát triển các nguồn vốn trong phạm vi quản lý của Công ty. Xây dựng, trình Ban Lãnh Đạo công ty phê duyệt các phương án thu, chi cấp phát, điều tiết vốn và thực hiện các quan hệ nộp và thanh toán vốn trong nội bộ cũng như các nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Tham mưu xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh theo đợt, tháng quý năm; kế hoạch giao khoán; dự án sản xuất kinh doanh; kiểm tra giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh, định mức kinh tế - kỹ thuật; công tác sửa chữa mua sắm tài sản nghiệm thu, thanh toán v.v...

Quản lý vận hành toàn bộ phương tiện xe máy; thực hiện nhiệm vụ vận chuyển rác thải sinh hoạt đất đá xây dựng; sửa chữa, bảo trì bảo dưỡng phương tiện xe máy và các thiết bị khác phục vụ công tác sản xuất của công ty.

❖ **Xí nghiệp xây lắp**

Tìm thị trường trong ngành nghề cho phép. Phối hợp với các đội sản xuất 1,2,3,4,5, XN xe máy, thực hiện nhiệm vụ Công ty giao

❖ **Xí nghiệp xe máy:**

Vận chuyển rác thải, sửa chữa ô tô....

❖ **Xí nghiệp Dịch vụ môi trường**

Xí nghiệp dịch vụ môi trường tìm thị trường dịch vụ trong ngành nghề cho phép, phát triển, mở rộng quy mô dịch vụ vệ sinh môi trường trên địa bàn tỉnh Nghệ An và các tỉnh thành khác ổn định công tác sản xuất dịch vụ và công ăn việc làm cho người lao động. Phối hợp với các đội sản xuất 1,2,3,4,5, Xí Nghiệp xe máy, thực hiện nhiệm vụ Công ty giao.

❖ **Phòng Thu ngân**

Có chức năng tham mưu, lập kế hoạch, phối hợp với các phường xã xác minh, rà soát lập danh sách nhân khẩu hộ gia đình, hộ kinh doanh, các cơ quan, doanh nghiệp sát với thực tế... trình UBND tỉnh Nghệ AN phê duyệt, làm cơ sở để UBND các phường, xã giao kế hoạch thu giá dịch vụ VSMT của từng năm theo đúng quy định. Tham mưu bố trí phân địa bàn quản lý cho các chuyên quản. Tổ chức triển khai thu giá dịch vụ vệ sinh môi trường đến từng đối tượng thu theo danh sách lập bộ đã được tỉnh phê duyệt và theo kế hoạch chỉ tiêu thành phố và Công ty giao.

Phối hợp với phòng Tài chính – Kế hoạch hợp đồng với công ty in hóa đơn, phiếu thu: Số lượng hóa đơn, phiếu thu căn cứ vào danh sách lập bộ, kế hoạch giao khoán thu, được UBND tỉnh Vinh phê duyệt. Tham mưu cho chủ tịch HĐQT, Giám đốc Công ty về việc sử dụng nguồn kinh phí phục vụ cho công tác thu giá dịch vụ VSMT, tiền lương và các chế độ khác cho VSV thu gom rác trong khối xóm.... trình UBND tỉnh. phê duyệt. Tham mưu, đề xuất cho lãnh đạo Công ty các giải pháp, sáng kiến mới phù hợp với nhiệm vụ và nhằm đạt hiệu quả cao trong lập bộ và thu giá dịch vụ VSMT, thu gom rác trong các khối, xóm dân cư.

❖ **Ban Quản lý dự án**

Có chức năng nhiệm vụ lập đề cương khảo sát, kế hoạch lựa chọn nhà thầu tư vấn gồm: Tư vấn lập dự án, tư vấn thẩm tra hồ sơ mời thầu và đánh giá kết quả đấu thầu..... trình chủ đầu tư phê duyệt theo thẩm quyền và triển khai và triển khai thực hiện dự án theo quy định.

Tham mưu hồ sơ, thủ tục triển khai đầu tư xây dựng các dự án của Công ty.

Tham mưu nội dung biên bản thương thảo, nội dung hợp đồng trình Chủ tịch HĐQT ký hợp đồng với nhà thầu. Tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện theo đúng hợp đồng đã ký. Tổ chức nghiệm thu, rà soát khối lượng.

Có trách nhiệm tham mưu cho chủ đầu tư mời tổ chức kiểm toán trước khi quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình .

❖ **Xí nghiệp khu liên hiệp xử lý chất thải rắn Nghi Yên**

Vận hành khu liên hiệp xử lý CTR Nghi Yên theo quyết định của UBND tỉnh phê duyệt đúng quy định.

❖ **Xí nghiệp đầu tư và xây dựng An Viên**

Kinh doanh dịch vụ, đầu tư xây dựng các nghĩa trang cát tang, xây dựng khu lăng mộ cho các dòng họ, hộ gia đình, các dự án di dời nghĩa trang; Chăm sóc, duy tu bảo dưỡng các phần mộ; Trồng, chăm sóc cây xanh trong khuôn viên các khu nghĩa trang đã được xây dựng.

Nhiệm vụ kế hoạch phải bắt nguồn từ xí nghiệp, Xí nghiệp chủ động đề ra kế hoạch, nhiệm vụ, chỉ tiêu, kế hoạch trình lên HĐQT, Chủ tịch HĐQT, Giám đốc Công ty xem xét phê duyệt. Trong trường hợp xí nghiệp phải có dự kiến kế hoạch để trình thì HĐQT, Chủ tịch HĐQT, Giám đốc sẽ xem xét tình hình nhiệm vụ chung, khả năng, điều kiện thực tế của xí nghiệp để ra chỉ tiêu kế hoạch cho Xí nghiệp. Xí nghiệp có nhiệm vụ thực hiện đúng theo điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty, của xí nghiệp; Các nội quy, quy chế, thỏa ước lao động tập thể, các văn bản quy định của công ty, văn bản ủy quyền của chủ tịch HĐQT, giám đốc công ty và các quy định của pháp luật hiện hành.

Các lĩnh vực liên quan đến công tác tài chính kế toán do phòng kế toán, Kế toán trưởng công ty tham mưu, quản lý báo cáo

Các đơn vị trực thuộc Công ty

Các Đội sản xuất 1,2,3,4 và 5: Trực tiếp triển khai lao động thực hiện nhiệm vụ quét, thu gom và vận chuyển chất thải rác sinh hoạt và các nhiệm vụ khác do Công ty giao.

Tổ bảo vệ trực thuộc phòng TC-HC: Thực hiện công tác bảo vệ an ninh trật tự, PCCC, bảo đảm an toàn tài sản tại trụ sở công ty, các khu tập kết xe, thiết bị của Công ty.

Tổ kiểm tra, trực thuộc phòng TCHC: Thực hiện việc kiểm tra an toàn vệ sinh lao động, chất lượng vệ sinh môi trường, nội quy lao động...

4. Định hướng phát triển

Ban điều hành công ty đã đề ra chiến lược phát triển dài hạn và bền vững của như sau:

- Toàn bộ chất thải rắn phải được gom và vận chuyển theo quy trình khép kín và các phương tiện có khả năng vận chuyển khối lượng lớn nhằm giảm chi phí và giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Thu gom triệt để bằng phương pháp thủ công kết hợp với cơ giới hóa thiết bị chuyên dùng, bằng nhiều hình thức linh hoạt phù hợp với từng vùng, từng địa phương.

- Cơ giới hóa phương tiện thu gom để vận chuyển lượng rác vào các điểm tập kết rác tạm thời, trạm trung chuyển nằm xa khu dân cư.
- Đẩy mạnh công tác vệ sinh công nghiệp, vệ sinh sau xây dựng, vệ sinh nhà cửa, công sở.
- Xây dựng và vận hành bãi chôn lấp rác đạt tiêu chuẩn, giảm thiểu tối đa ô nhiễm nguồn nước và môi trường xung quanh.
- Quy hoạch khu chia rác sinh hoạt, rác công nghiệp để có phương thức xử lý phù hợp.
- Tận dụng chất thải xây dựng để phủ lấp rác thay thế việc đào thải làm ô nhiễm và ảnh hưởng đến cảnh quan môi trường.
- Tận dụng nguồn khí Metan phát sinh từ bãi rác tạo năng lượng phục vụ vận hành bãi rác.
- Tăng cường công tác truyền thông nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường đối với người dân và tạo điều kiện để có sự phân loại tại nguồn, giảm thiểu lượng rác thải chôn lấp.

5. Các rủi ro

Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Nghệ An chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, việc chuyển này đồng nghĩa với việc phân chia lại trách nhiệm quản lý, quyền kiểm soát doanh nghiệp và chuyển đổi cơ chế vận hành doanh nghiệp. Điều đó đặt ra yêu cầu nâng cao chất lượng, tư duy quản trị của ban lãnh đạo và trình độ chuyên môn, phong cách và thái độ làm việc của cán bộ nhân viên người lao động, cũng như cải tiến các quy trình SXKD theo hướng trách nhiệm, hiệu quả.

Việc giữ vững và phát triển thị phần lĩnh vực hoạt động như Vệ sinh môi trường, đầu tư xây dựng dịch vụ nghĩa trang, hút hầm bể phốt sẽ gặp nhiều khó khăn do ngày càng nhiều tổ chức kinh tế doanh nghiệp tư nhân tham gia vào các lĩnh vực này, tạo ra môi trường cạnh tranh gay gắt hơn, nguồn kinh phí đầu tư, đấu thầu, giao kế hoạch đang còn thấp.

PHẦN II: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm.

- Doanh thu hoạt động tài chính 230.170.699.119 đồng
- Thu nhập khác: Không

Nộp nghĩa vụ Nhà nước:

- Nộp BHXH: 1.389.218.319 đồng (ngày 31/12/2025)
- Nộp thuế VAT, thuế môn bài, thuế đất: 1.931.368.630 đồng bằng .

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Hội đồng quản trị (Nhiệm kỳ 2021 -2026)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Chí Thông	Chủ tịch HĐQT (Người đại diện phần vốn NN: 66.66%)	Điều hành

2	Phú Văn Phương	Thành viên HĐQT, Giám đốc (Người đại diện phần vốn NN: 16.66%)	Điều hành
3	Phạm Văn Dương	Thành viên HĐQT, Phó giám đốc	Điều hành
4	Phạm Quang Dự	Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng (Người đại diện phần vốn NN: 16.66%)	Điều hành
5	Nguyễn Công Đức	Thành viên HĐQT, phó giám đốc	Điều hành

Sơ yếu lý lịch của các thành viên HĐQT của công ty như sau:

a. Ông Nguyễn Chí Thông – Chủ tịch HĐQT (Nhiệm kỳ 2021-2026)

Họ và tên	NGUYỄN CHÍ THÔNG
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	02/02/1975
Nơi sinh	Khối Minh Phúc, Hưng Phúc, phường Trường Vinh, tỉnh NA
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Khối Minh Phúc, Hưng Phúc, phường Trường Vinh, tỉnh NA
CCCD	040075001024 cấp ngày 25/03/2021
Điện thoại liên hệ	0918 401 239
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ, Cử nhân kinh tế
Chức vụ hiện nay	Chủ tịch HĐQT công ty CP môi trường và CTĐT Nghệ An
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Bí thư Đảng ủy Công ty
Quá trình công tác	<p>3/2000 – 10/2001 Cán bộ trạm khuyến nông Thành phố Vinh, Nghệ An</p> <p>10/2001 – 8/2002 Chuyên viên phòng thương mại du lịch – UBND TP Vinh</p> <p>8/2002 – 8/2008 Chuyên viên phòng công nghiệp – thương mại – du lịch – UBND thành phố Vinh</p> <p>8/2008 – 4/2013 Chuyên viên phòng kinh tế - UBND thành phố Vinh</p> <p>4/2013 – 7/2020 Phó trưởng phòng kinh tế - UBND thành phố Vinh</p> <p>30/07/2020 - nay Chủ tịch HĐQT công ty CP môi trường và CTĐT Nghệ An</p>
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	
Trong đó	

- Sở hữu cá nhân	
- Được ủy quyền đại diện	1.976.669 cổ phần – Tỷ lệ: 53,86%
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty	
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

b. Ông Phú Văn Phụng – Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty (Nhiệm kỳ 2021-2026)

Họ và tên	PHÚ VĂN PHỤNG
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	17/8/1969
Nơi sinh	Thanh Lĩnh, Thanh Chương, Nghệ An
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Khối 13 Hà Huy Tập, phường Vinh Phú, tỉnh Nghệ An
CCCD	040069004813 cấp ngày 20/04/2021
Điện thoại liên hệ	023 8356 4960
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Chức vụ hiện nay	TV. HĐQT; Giám đốc Công ty
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Phó bí thư Đảng ủy Công ty
Quá trình công tác	
1987 – 1990	Công nhân Xí nghiệp vệ sinh TP. Vinh
1990 – 2000	Công ty Môi trường đô thị Tp.Vinh
2000 – 2002	Đội trưởng Đội xử lý Đông Vinh, Công ty Môi trường đô thị Tp.Vinh Đội trưởng Đội kiểm tra vệ sinh môi trường – Trưởng phòng Thu phí vệ sinh, Công ty Môi trường đô thị TP.Vinh
2002 – 2007	Trưởng phòng Kiểm tra – Công ty Môi trường đô thị TP.Vinh
2007 – 2009	Trưởng phòng Kiểm tra – Công ty TNHH Môi trường đô thị TP. Vinh
2009 – 2010	Trưởng phòng Kiểm tra – Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Vinh

2010 – 2011	Phó Giám đốc Công ty; Giám đốc Xí nghiệp Khu Liên Hiệp xử lý chất thải rắn, Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị tỉnh Nghệ An.
2011 – 5/2016	Phó Giám đốc Công ty; Giám đốc Xí nghiệp khu liên hiệp xử lý chất thải rắn, Thành viên HĐQT CTCP Môi trường và Công trình đô thị Nghệ An.
6/2016 – 30/09/2019	Giám đốc Công ty, Thành viên HĐQT CTCP Môi trường và Công trình đô thị Nghệ An.
1/10/2019 - nay	TV HĐQT, Giám đốc Công ty
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	500.015 cổ phần – tỷ lệ: 13,62%
<i>Trong đó</i>	
- Sở hữu cá nhân	5.700 cổ phần – tỷ lệ 0,16%
- Được ủy quyền đại diện (do UBND tỉnh Nghệ An ủy quyền)	494.315 cổ phần – tỷ lệ: 13,47%
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty	Thù lao HĐQT
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

c. Ông Phạm Văn Dương – Thành viên HĐQT ,Phó giám đốc(Nhiệm kỳ 2021-2026)

Họ và tên	PHẠM VĂN DƯƠNG
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	16/10/1968
Nơi sinh	Nghi Mỹ - Nghi Lộc – Nghệ An
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Khối 9 Hà Huy Tập, phường Vinh Phú, tỉnh Nghệ An
CCCD	040068004346 cấp ngày 29/04/2021
Điện thoại liên hệ	023 8356 4960
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Tài chính – Kế toán

Chức vụ hiện nay	Thành viên HĐQT; Phó giám đốc công ty
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Quá trình công tác	
03/1986 – 09/1988	Bộ đội C41, D4, E88, F308
12/1988 – 03/1990	Nhân viên Xí nghiệp vệ sinh thành phố Vinh
03/1990 – 12/1990	Cán bộ Công ty Môi trường đô thị thành phố Vinh
01/2010 – 12/2010	Cán bộ Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Vinh
01/2011 – 5/2016	Cán bộ Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị tỉnh Nghệ An
6/2016 – 11/2021	Trưởng phòng Tổ chức hành chính, thành viên Hội đồng quản trị, CTCP Môi trường và Công trình Đô thị Nghệ An.
12/2021 - nay	Thành viên HĐQT, Phó giám đốc công ty,
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	5.900 cổ phần – Tỷ lệ: 0,16%
<i>Trong đó</i>	
- Sở hữu cá nhân	5.900 cổ phần – Tỷ lệ: 0,16%
- Được ủy quyền đại diện	Không
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty	Thù lao HĐQT
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

d. Ông Phạm Quang Dự – Thành viên HĐQT, TP Tài chính – Kế hoạch kiêm Kế toán trưởng (Nhiệm kỳ 2021-2026)

Họ và tên	PHẠM QUANG DỰ
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	27/10/1969
Nơi sinh	Kỳ Sơn – Hòa Bình
Quốc tịch	Việt Nam

Địa chỉ thường trú	Số 24, đường Thành Thái, khối Quang Phúc Hưng Phúc, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.
CCCD	040069001630 cấp ngày 04/10/2021
Điện thoại liên hệ	023 8356 4960
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Học viện Tài chính
Chức vụ hiện nay	Thành viên HĐQT; Kế toán trưởng Công ty
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	UVBCH Đảng bộ Công ty nhiệm kỳ 2020 -2025
Quá trình công tác	<p>10/1989 - 1990 Công nhân Đội Thị chính – Xí nghiệp vệ sinh.</p> <p>1990 – 03/2002 Công nhân Đội thị chính – Công ty Môi trường đô thị Tp. Vinh</p> <p>04/2002 – 5/2009 Đội phó Đội Xe máy – Công ty Môi trường đô thị TP. Vinh.</p> <p>01/6/2009 – 2010 Phó phòng Kế toán – Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị TP. Vinh</p> <p>Phó phòng kế toán – Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Vinh</p> <p>2010 – 2011 Phó phòng kế toán – Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị tỉnh Nghệ An</p> <p>2011 – 2014 Kế toán trưởng – Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Nghệ An</p> <p>Kế toán trưởng, thành viên HĐQT – Công ty CP Môi trường và Công trình đô thị Nghệ An.</p> <p>01/1/2015 – 6/2016</p> <p>02/6/2016 – Nay NDD phần vốn nhà nước tại Cty, Kế toán trưởng Công ty</p>
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	503.915 cổ phần – tỷ lệ: 13,73%
<i>Trong đó</i>	
- Sở hữu cá nhân	9.600 cổ phần – tỷ lệ: 0,26%
- Được ủy quyền đại diện (do UBND tỉnh Nghệ An ủy quyền)	494.315 cổ phần – tỷ lệ: 13,47%
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty	Thù lao HĐQT

Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không
-----------------------------------	-------

d. Ông Nguyễn Công Đức – Thành viên HĐQT, Phó giám đốc Công ty (Nhiệm kỳ 2021-2026)

Họ và tên	NGUYỄN CÔNG ĐỨC
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	21/4/1977
Nơi sinh	Vinh, Nghệ An
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Khối 14 Trường Thi, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.
CCCD	040077021998 cấp ngày 23/03/2022
Điện thoại liên hệ	023 8356 4960
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Quản trị KD
Chức vụ hiện nay	Thành viên HĐQT, Phó giám đốc công ty
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	UVBCH Đảng bộ Công ty nhiệm kỳ 2020 -2025
Quá trình công tác	<p>2002 – 2009 CBCNV Công ty Môi trường đô thị thành phố Vinh</p> <p>2009 – 2010 CBCNV Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị TP. Vinh</p> <p>2010 – 2011 CBCNV Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Vinh,</p> <p>2011 – 5/2016 CBCNV Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Nghệ An;</p> <p>6/2016 – 10/2018 Trưởng phòng KHKT, thành viên Hội đồng quản trị CTCP Môi trường và Công trình đô thị Nghệ An.</p> <p>11/2018 - nay Thành viên Hội đồng quản trị CTCP Môi trường và Công trình đô thị Nghệ An, Phó giám đốc Công ty,</p>
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	3.000 cổ phần – tỷ lệ: 0,08%
<i>Trong đó</i>	
- Sở hữu cá nhân	3.000 cổ phần – tỷ lệ: 0,08%
- Được ủy quyền đại diện	Không
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty	Thù lao HĐQT
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

Số lượng cán bộ, nhân viên: đến tại thời điểm ngày 31/12/2025 tổng số lao động của công ty là 543 người

Bảng 1: Cơ cấu lao động công ty tại ngày 31/12/2025

Stt	Nội dung	Số lao động (người)
1	Lao động có trình độ đại học và trên đại học	99
2	Lao động có trình độ cao đẳng, trung cấp	45
3	Lao động đã được đào tạo qua các trường công nhân, kỹ thuật, dạy nghề.	50
4	Số lao động chưa qua đào tạo	349
	Tổng số lao động	543

(Nguồn: Công ty cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Nghệ An)

❖ Chính sách đối với người lao động:

- Mức lương bình quân cho người lao động toàn công ty năm 2025 là: 14.000.000 triệu đồng/người/tháng.
- Thời gian làm việc: Lao động gián tiếp: 40 giờ/tuần từ thứ hai đến thứ sáu theo giờ hành chính (08h/ngày).

Lao động trực tiếp: 48 giờ/tuần Từ thứ 2 đến thứ 7.

- Chính sách lương, thưởng của Công ty theo các quy chế, quy định hiện hành.

3. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

Bảng 2: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	Ghi chú
1. Tổng giá trị tài sản	231.867.393.526	241.486.565.738	
2. Doanh thu thuần	179.411.917.302	230.170.699.119	
3. Lợi nhuận thuần từ HĐKD	4.406.129.011	8.570.157.490	
4. Lợi nhuận khác	(1.839.942.567)	(3.936.688.168)	
5. Lợi nhuận trước thuế	2.566.186.444	4.633.469.322	
6. Lợi nhuận sau thuế	2.311.994.329	3.514.429.463	
7. Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	409	622	

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025 của CTCP Môi trường và Công trình Đô thị Nghệ An)

(*) Công ty hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần từ ngày 02/06/2016 do vậy không so sánh tăng giảm do kỳ kế toán không đồng nhất,

4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a. *Cổ phần*: Tổng số cổ phần là 3.669.999 và loại cổ phần đang lưu hành bao gồm cổ phần ưu đãi, cổ phần cam kết và cổ phần phổ thông

b. *Cơ cấu cổ đông*: Đại diện phần vốn nhà nước: 2.965.299 CP
Cổ phần ưu đãi: 342.100 CP
Cổ phần cam kết: 347.600 CP

c. *Tình hình thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu*: trong năm 2025 không có sự thay đổi về vốn đầu tư của chủ sở hữu.

5. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty**5.1. Tác động lên môi trường**

Công ty đã kịp thời khắc phục và xử lý về việc ô nhiễm môi trường, ô nhiễm nguồn nước từ việc xử lý rác thải. Sử dụng các chế phẩm xử lý rác thải nhằm hạn chế việc ô nhiễm, phát thải mùi hôi.

Thường xuyên tuyên truyền về công tác bảo vệ môi trường về thời gian, địa điểm đổ rác, phân loại rác tại nguồn.

Phối hợp các phường xã tổ chức VSMT vào ngày chủ nhật xanh.

Tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

5.2. Chính sách liên quan đến người lao động

a. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Tổng số CBCNV: 543 người

Mức lương trung bình: 14.000.000 triệu đ/người/tháng

- b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động
- Căn cứ quy định của Nhà nước và quy chế trả lương của Công ty hiện hành.
 - Thực hiện trả lương, trả thưởng theo mức độ hoàn thành, mức độ phức tạp của công việc theo vị trí việc làm và theo khoán theo sản phẩm
 - Thực hiện đóng BHXH, BHYT, mua BHTN cho người lao động đúng chế độ, chính sách Nhà nước và Công ty đầy đủ, kịp thời
 - Thực hiện đầy đủ, trách nhiệm về công tác an toàn vệ sinh lao động, trang cấp Bảo hộ lao động, công cụ dụng cụ và thiết bị bảo vệ cá nhân cho người lao động.
 - Thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ khác với người lao động theo quy định của Nhà nước và Công ty.
- c. Hoạt động đào tạo người lao động

Chú trọng đào tạo, đào tạo lại cán bộ quản lý, nghiệp vụ, phương châm đào tạo tại chỗ, khuyến khích người lao động tự bồi dưỡng kiến thức nâng cao nghiệp vụ để phù hợp với tình hình mới tại Công ty sau cổ phần hóa. Tăng cường đào tạo về chuyên môn, quán triệt về thái độ, phong cách làm việc nhằm nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ đối với khách hàng .

Công tác tuyển dụng lao động: xây dựng quy chế tuyển dụng, kế hoạch bồi dưỡng đào tạo nguồn nhân lực gắn đào tạo cơ bản với tăng cường công tác đào tạo tại chỗ

Ưu tiên tuyển dụng công nhân có tay nghề bậc cao, công nhân đã đào tạo vào làm việc được ngay, trường hợp không có, mới tuyển dụng lao động mới có sức khỏe, có ý thức trách nhiệm cao.

PHẦN III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC VỀ CÔNG TÁC SẢN XUẤT, KINH DOANH, DỊCH VỤ VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC TẠI CÔNG TY

1. Tình hình tài chính

a, Tình hình tài sản

Tình hình tài sản cố định của Công ty tại ngày 31/12/2025 được thể hiện ở bảng sau:

Bảng 3: Tình hình tài sản của Công ty tại ngày 31/12/2025

Đơn vị: Đồng

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị còn lại	% GTCL/NG
1. TSCĐ hữu hình	170.051.490.131	173.115.952.304	
Nhà cửa và vật kiến trúc	184.956.990.677	195.874.644.361	
Máy móc thiết bị	2.887.674.963	2.820.462.963	
Phương tiện vận tải	59.355.573.115	64.271.195.360	

Thiết bị, dụng cụ quản lý	2.374.927.865	2.252.018.638	
---------------------------	---------------	---------------	--

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2025 của CTCP Môi trường và Công trình đô thị Nghệ An)

b, Tình hình nợ phải trả

Bảng 4: Chi tiết các khoản phải trả

Đơn vị: Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	31/12/2025
I	Nợ ngắn hạn	59.564.012.681	48.916.798.493	57.242.406.465
1	Phải trả cho người bán ngắn hạn	15.537.298.347	15.046.728.188	18.490.957.092
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	300.642.657	4.710.222.186	2.703.265.016
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.424.619.118	2.977.457.309	1.931.368.630
4	Phải trả người lao động	9.349.212.889	8.403.704.440	13.623.303.312
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	627.000.000	692.913.167	954.459.525
6	Phải trả nội bộ ngắn hạn	-	-	
7	Phải trả ngắn hạn khác	32.269.000.759	14.211.728.489	15.824.724.562
8	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn			
9	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	56.238.911	-135.955.286	322.528.328
II	Nợ dài hạn	7.367.904.000	17.120.704.000	16.318.070.500
	Phải trả dài hạn	4.451.904.000	9.610.704.000	7.973.000.000
1	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	2.916.000.000	7.510.000.000	8.345.070.500
	Tổng nợ phải trả	66.931.916.681	66.037.502.493	73.560.476.965

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2023,2024,2025 của CTCP Môi trường và CTĐT Nghệ An)

2. Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Trong năm 2025, Công ty ghi có nhận doanh thu, giá vốn của hoạt động chuyển nhượng quyền sử dụng phần mộ các cá nhân (Chi tiết tại Thuyết minh số 6.1) vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Với những tài liệu Công ty cung cấp, chúng tôi chưa đủ cơ sở để cho rằng các số liệu hạch toán nêu trên là hợp lý. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về các số liệu này cũng như ảnh hưởng của các số liệu này đến các khoản mục khác liên quan của Báo cáo tài chính.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

PHẦN IV: ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của công ty, trong đó có liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

CTCP Môi trường và Công trình Đô thị Nghệ An là doanh nghiệp đầu ngành trong lĩnh vực cung cấp các dịch vụ về vệ sinh môi trường, thu giá dịch vụ vệ sinh môi trường, trồng, chăm sóc cảnh quan đô thị tại tỉnh Nghệ An và trong khu vực .

Lĩnh vực hoạt động chính mà công ty cung cấp chủ yếu là hoạt động dịch vụ vệ sinh môi trường, thu giá dịch vụ vệ sinh môi trường, cảnh quan đô thị, đây là một lĩnh vực kinh doanh đặc thù khi nền kinh tế đang phát triển, các giai đoạn trước, khi chưa có chủ trương về đổi mới, sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước thì hoạt động này chủ yếu là do các đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp 100% vốn nhà nước vận hành, với mục tiêu chính là hiệu quả xã hội, không vì mục tiêu lợi nhuận. Sau khi cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước hoạt động trong lĩnh vực này, nhà nước vẫn phải nắm giữ cổ phần chi phối để đảm bảo mục tiêu chính của doanh nghiệp là dịch vụ công ích, đảm bảo hiệu quả xã hội. Công ty có nhiều lợi thế và điều kiện để có thể đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh và mang lại nhiều giá trị kinh tế - xã hội cho chủ sở hữu.

Công ty cổ phần môi trường và công trình đô thị Nghệ An đã phát huy mạnh mẽ tính tự chủ trong hoạt động kinh doanh, mở rộng mạng lưới hoạt động, đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh, đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ công ích.

Cán bộ công nhân viên trong Công ty có tinh thần trách nhiệm, nỗ lực và sáng tạo trong lao động, không chỉ thúc đẩy hiệu quả SXKD mà còn tạo văn hóa doanh nghiệp lành mạnh, năng động.

Phát huy những thành quả và bài học kinh nghiệm, Công ty cổ phần môi trường và công trình đô thị Nghệ An đã tạo nên một mô hình kinh doanh mới, một diện mạo mới về hiệu quả kinh doanh và trở thành một doanh nghiệp có năng lực thực sự và đáp ứng tối đa nhu cầu của xã hội và quý khách hàng.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban giám đốc công ty

HĐQT luôn theo dõi sâu sát các hoạt động của Ban điều hành, kịp thời giải quyết những vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động điều hành của Ban Giám đốc.

HĐQT sử dụng bộ máy tham mưu giúp việc tại Công ty để thường xuyên cập nhật tình hình hoạt động của các phòng, ban, xí nghiệp, đội, trên cơ sở đó kiểm tra, chỉ đạo giám sát đối với Ban Giám đốc trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ, các Quy chế của Công ty và các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT. Tại các cuộc họp HĐQT, Giám đốc thường xuyên báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các thành viên HĐQT đã phối hợp với Ban Giám đốc Công ty trong việc điều hành thực hiện các Nghị quyết của HĐQT.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Với sự phát triển các khu công nghiệp, khu dân cư, ngành kinh doanh dịch vụ vệ sinh môi trường cần được thực hiện từng bước chắc chắn để trở thành ngành phục vụ dịch vụ công ích gắn với lợi ích kinh tế quan trọng. Trong những năm tới, nhịp độ tăng trưởng về quy mô kinh tế sẽ được đẩy nhanh, nhu cầu vệ sinh môi

trường, đặc biệt là tại khu vực đô thị, dân cư tăng cao nên công tác quản lý và cung cấp các dịch vụ vệ sinh môi trường tiếp tục là một ngành nhiều tiềm năng để phát triển.

Tốc độ tăng trưởng dân số tại đô thị cùng với tốc độ đô thị hóa cao tạo ra nhu cầu lớn về xây dựng các công trình kết cấu cơ sở hạ tầng, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống thu gom, xử lý rác thải, nước thải và các nhu cầu dịch vụ công khác. Do đó, trong thời gian tới, công ty sẽ mở rộng hoạt động kinh doanh sang lĩnh vực xây dựng công trình, kết cấu hạ tầng đô thị và nhiều lĩnh vực tiềm năng khác.

Tầm nhìn đến năm 2030, phát triển và xây dựng doanh nghiệp trở thành doanh nghiệp mạnh và uy tín cả nước. Đủ năng lực và đáp ứng nhu cầu của Quý khách hàng.

Công ty chú trọng việc kêu gọi các tổ chức trong và ngoài nước tham gia đầu tư vào các lĩnh vực về môi trường.

- Thông qua liên doanh đầu tư dự án nhà máy xử lý rác thải nguy hại, xử lý chất thải công nghiệp, tiến tới xây dựng khu liên hợp xử lý rác thải bền vững.

- Thông qua nguồn hỗ trợ của các chính phủ đặc biệt là của Nhật Bản để đầu tư xây dựng nhà máy xử lý rác thải phát điện, làm phân bón.

- Quản lý hiệu quả chất thải rắn của thành phố bằng việc:

- Triển khai dự án phân loại rác tại nguồn theo đề án của UBND tỉnh phê duyệt nhằm tái chế, sử dụng và giảm thiểu rác thải tại các đường nội thành dựa trên kinh nghiệm của các nước Nhật Bản, Thái Lan, Malaysia và một số nước Châu Âu.
- Đầu tư trang thiết bị và cơ sở hạ tầng nâng cao năng lực quản lý, thu gom vận chuyển rác thải các Tỉnh, các huyện phụ cận.
- Đầu tư hệ thống xử lý nước rỉ rác ở bãi rác đạt tiêu chuẩn thải Việt Nam
- Đầu tư thêm phương tiện, trang thiết bị để phục vụ cho nhiệm vụ sản xuất kinh doanh dịch vụ tại Công ty.
- Đầu tư và mở rộng quy mô về dịch vụ nghĩa trang cát táng.

PHẦN V: QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của HĐQT

Hội đồng quản trị của CTCP Môi trường và Công trình đô thị Nghệ An nhiệm kỳ 2021-2026 gồm 05 thành viên:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Chí Thông	Chủ tịch HĐQT (Người đại diện phần vốn nhà nước)	Điều hành
2	Phú Văn Phụng	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc (Người đại diện phần vốn nhà nước)	Điều hành

3	Phạm Văn Dương	Thành viên HĐQT kiêm Phó giám đốc, trưởng phòng tổ chức hành chính	Điều hành
4	Phạm Quang Dự	Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng (Người đại diện phần vốn nhà nước)	Điều hành
5	Nguyễn Công Đức	Thành viên HĐQT Kiêm phó giám đốc	Điều hành

b. Hoạt động của Hội đồng quản trị

HĐQT làm việc theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo thể hiện qua các nghị quyết của HĐQT. Các thành viên của HĐQT chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước ĐHCĐ, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của HĐQT đối với sự phát triển của công ty.

HĐQT giao trách nhiệm cho Ban Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

2. Ban kiểm soát.

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Lê Thị Hồng Kỳ	Trưởng ban Kiểm soát
2	Hoàng Nghĩa Chiến	Thành viên Ban kiểm soát
3	Lê Thị Tuyết Dung	Thành viên Ban kiểm soát

Bà Lê Thị Hồng Kỳ – Trưởng Ban Kiểm Soát

Họ và tên	Lê Thị Hồng Kỳ
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	21/07/1974
Nơi sinh	Khối Vân Trung – Hưng Dũng, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Khối Vân Trung – Hưng Dũng, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An
CCCD	040174033260
Điện thoại liên hệ	0918739299
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kế toán
Chức vụ hiện nay	Trưởng ban kiểm soát
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Chủ tịch công đoàn

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	3.500 cổ phần
Trong đó:	
- Sở hữu cá nhân	3.500 cổ phần
- Được ủy quyền đại diện	Không
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty	
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

Bà Lê Thị Tuyết Dung –Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên	LÊ THỊ TUYẾT DUNG
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	03/2/1987
Nơi sinh	Nghệ An
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Khối 12 Lê Lợi phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An
CCCD	0400187006985
Điện thoại liên hệ	023 8356 4960
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kế toán - Đại học Thương Mại
Chức vụ hiện nay	Phó Trưởng phòng Thu ngân, thành viên ban kiểm soát
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	2.100 cổ phần – tỷ lệ: 0,06%
Trong đó:	
- Sở hữu cá nhân	2.100 cổ phần – tỷ lệ: 0,06%
- Được ủy quyền đại diện	Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty	Thù lao Ban kiểm soát
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

Ông Hoàng Nghĩa Chiến – Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên	HOÀNG NGHĨA CHIẾN
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	19/03/1984
Nơi sinh	Hung Lĩnh, Hưng Nguyên, Nghệ An
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Khối 7 Thị Trấn Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An
CCCD	040084006200
Điện thoại liên hệ	0986 220 882
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Chức vụ hiện nay	Phó Trưởng phòng Kế Toán
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	Không
Trong đó:	
- Sở hữu cá nhân	
- Được ủy quyền đại diện	Không
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty	Thù lao Ban kiểm soát

Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không
-----------------------------------	-------

b. Hoạt động của ban kiểm soát năm 2025

Ban kiểm soát có trách nhiệm và quyền giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc, Tổng Giám đốc trong việc quản lý, điều hành công ty, trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính để đảm bảo tính trung thực, hợp pháp và hệ thống, nhất quán. Trong trường hợp phát hiện có hành vi vi phạm của người quản lý công ty thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Ban Kiểm soát có trách nhiệm tiến hành kiểm tra các báo cáo về tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính của công ty, các báo cáo đánh giá về công tác quản lý của Hội đồng quản trị để từ đó trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông. Tiến hành kiểm tra, rà soát và đánh giá hệ thống kiểm soát, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro, cảnh báo của công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

Lương, thưởng thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát Phụ cấp của Hội đồng quản trị:

Tổng số tiền trả cho từng thành viên HĐQT bao gồm tiền lương, thù lao, tiền thưởng, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty

Ông: Phú Văn Phụng:	146.088.750 đ / 1 quý
Ông: Phạm Văn Dương:	95.350.750 đ/ 1 quý
Ông: Phạm Quang Dự:	112.900.000 đ/ 1 quý
Ông: Nguyễn Công Đức:	128.626.750đ/ 1 quý

Phụ cấp của Ban kiểm soát:

Tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm do Ban kiểm soát xây dựng trên cơ sở kế hoạch hoạt động được Đại hội đồng cổ đông quyết định

Bà: Lê Thị Hồng Kỳ: 112.179.411 đ/ quý

Ông: Hoàng Nghĩa Chiến: 64.183.000 đ./ 1 quý

Bà: Lê Thị Tuyết Dung: 71.887.500 đ/ 1 quý

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Nghệ An trình bày Báo cáo này cùng Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Nghệ An (Sau đây gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị tỉnh Nghệ An, được cổ phần hóa theo Quyết định số 3073/Q-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2014 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghệ An. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 2900326985 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An (nay là Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Tài chính Tỉnh Nghệ An) cấp lần đầu ngày 02/6/2016; Đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 03/01/2025 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 ngày 03/01/2025 là 36.699.990.000 VND (*Bằng chữ: Ba mươi sáu tỷ, sáu trăm chín mươi chín triệu, chín trăm chín mươi nghìn đồng*).

Tên tiếng anh: Nghe An Urban Environment and Works Joint stock company; Tên viết tắt: Urencona.

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán UpCOM với mã chứng khoán là NAU. Cổ phiếu NAU đang thuộc diện bị duy trì diện bị cảnh báo theo Quyết định số 398/QĐ-SGDHN ngày 08/4/2025 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Địa chỉ trụ sở chính của Công ty tại Số 360, đường Đặng Thai Mai, phường Vinh Hưng, tỉnh Nghệ An, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Chí Thông	Chủ tịch HĐQT
	Ông Phú Văn Phụng	Thành viên
	Ông Phạm Quang Dự	Thành viên
	Ông Phạm Văn Dương	Thành viên
	Ông Nguyễn Công Đức	Thành viên
Ban Kiểm soát		
	Bà Lê Thị Hồng Kỳ	Trưởng Ban kiểm soát

Ông Hoàng Nghĩa Chiến Thành viên Ban kiểm soát

Bà Lê Thị Tuyết Dung Thành viên Ban kiểm soát

Ban Giám đốc

Ông Phú Văn Phụng Giám đốc

Ông Phạm Văn Dương Phó Giám đốc

Ông Nguyễn Công Đức Phó Giám đốc

Ông Hoàng Trọng Tài Phó Giám đốc

Ông Nguyễn Trí Dũng Phó Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Điều hành, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá, dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan đến việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc nhầm lẫn;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm

bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Điều hành xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Điều hành,

Nguyễn Chí Thông

Chủ tịch HĐQT

Nghệ An, ngày 30 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông**

Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Nghệ An

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Nghệ An được lập ngày 30/3/2026 từ trang 06 đến trang 29, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Trong năm 2025, Công ty ghi có nhận doanh thu, giá vốn của hoạt động chuyển nhượng quyền sử dụng phần mộ các cá nhân (Chi tiết tại Thuyết minh số 6.1) vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Với những tài liệu Công ty cung cấp, chúng tôi chưa đủ cơ sở để cho rằng các số liệu hạch toán nêu trên là hợp lý. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về các số liệu này cũng như ảnh hưởng của các số liệu này đến các khoản mục khác liên quan của Báo cáo tài chính.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Nguyễn Tài Dũng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0133-2023-137-1

*Giấy Ủy quyền số: 11/2026/UQ-CPA VIETNAM
ngày 02/01/2026 của Tổng Giám đốc*

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2026

Nguyễn Trung Khánh

Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 1128-2023-137-1

CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH

ĐÔ THỊ NGHỆ AN

Mẫu số B 01 - DN

Số 360, đường Đặng Thai Mai, phường Vinh Hưng,
tỉnh Nghệ An, Việt Nam

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		58.106.055.740	50.823.353.398
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	2.567.855.332	4.322.694.385
1. Tiền	111		2.267.485.469	4.322.694.385
2. Các khoản tương đương tiền	112		300.369.863	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		10.809.047.026	13.401.050.298
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	10.809.047.026	13.401.050.298
III. Các khoản phải thu	130		42.226.545.939	30.656.885.571
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	33.292.056.492	19.879.653.240
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		98.000.000	105.718.640
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	9.213.608.447	11.048.632.691
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(377.119.000)	(377.119.000)
IV. Hàng tồn kho	140		1.211.836.800	957.007.394
1. Hàng tồn kho	141	5.6	1.211.836.800	957.007.394
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.290.770.643	1.485.715.750
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	36.710.649	231.531.286
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		1.254.059.994	1.254.184.464
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+260)	200		183.380.509.998	181.044.040.128
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		281.280.938	3.281.280.938
1. Phải thu dài hạn khác	216		281.280.938	3.281.280.938
II. Tài sản cố định	220		173.166.717.303	170.117.875.134
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	173.115.952.304	170.051.490.131
- Nguyên giá	222		265.218.321.322	249.575.166.620
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(92.102.369.018)	(79.523.676.489)
2. Tài sản cố định vô hình	227		50.764.999	66.385.003
- Nguyên giá	228		78.100.000	78.100.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(27.335.001)	(11.714.997)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		112.608.037	232.978.407
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		112.608.037	232.978.407
IV. Tài sản dài hạn khác	260		9.819.903.720	7.411.905.649
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	9.819.903.720	7.411.905.649
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		241.486.565.738	231.867.393.526

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		73.560.476.965	66.037.502.493
I. Nợ ngắn hạn	310		57.242.406.465	48.916.798.493
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	18.490.957.092	15.046.728.188
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.10	2.703.265.016	4.710.222.186
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	1.931.368.630	2.977.457.309
4. Phải trả người lao động	314		13.623.303.312	8.403.704.440
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		954.459.525	692.913.167
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	15.824.724.562	14.221.728.489
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.13	3.392.000.000	3.000.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		322.328.328	(135.955.286)
II. Nợ dài hạn	330		16.318.070.500	17.120.704.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.12	7.973.000.000	9.610.704.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.13	8.345.070.500	7.510.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		167.926.088.773	165.829.891.033
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.14	41.492.531.726	39.943.297.443
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		36.699.990.000	36.699.990.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.278.112.263	931.313.114
3. Lợi nhuận chưa phân phối	421		3.514.429.463	2.311.994.329
- Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này	421b		3.514.429.463	2.311.994.329
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		126.433.557.047	125.886.593.590
1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432	5.15	126.433.557.047	125.886.593.590
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		241.486.565.738	231.867.393.526

CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH**ĐÔ THỊ NGHỆ AN****Mẫu số B 02 - DN**Số 360, đường Đặng Thai Mai, phường Vinh Hưng,
tỉnh Nghệ An, Việt Nam

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	230.170.699.119	179.411.917.302
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		230.170.699.119	179.411.917.302
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	191.487.950.047	147.833.472.967
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		38.682.749.072	31.578.444.335
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	740.739.897	803.213.056
7. Chi phí tài chính - Trong đó: Chi phí lãi vay	22	6.4	794.953.484 794.953.484	640.978.243 640.978.243
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	1.164.311.877	12.518.272
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	28.894.066.118	27.322.031.865
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-25-26}	30		8.570.157.490	4.406.129.011
11. Thu nhập khác	31	6.6	285.690.236	-
12. Chi phí khác	32	6.6	4.222.378.404	1.839.942.567
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(3.936.688.168)	(1.839.942.567)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		4.633.469.322	2.566.186.444
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.7	1.119.039.859	254.192.115
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		3.514.429.463	2.311.994.329
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	622	409

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1 Lợi nhuận trước thuế	01		4.633.469.322	2.566.186.444
2 Điều chỉnh cho các khoản			8.787.656.010	8.181.842.320
- Khấu hao TSCĐ	02		7.938.488.939	7.703.098.890
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		54.213.587	(162.234.813)
- Chi phí lãi vay	06		794.953.484	640.978.243
3 Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD trước thay đổi vốn lưu động	08		13.421.125.332	10.748.028.764
- Tăng giảm các khoản phải thu	09		(8.569.535.898)	(5.581.692.501)
- Tăng giảm hàng tồn kho	10		(254.829.406)	674.568.875
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay)	11		6.949.757.955	(10.181.308.030)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2.213.177.434)	(486.069.956)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(794.953.484)	(640.978.243)
- Thuế thu nhập đã nộp	15		(2.616.712.266)	(694.710.998)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		268.335.650	1.264.978.081
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		6.190.010.449	(4.897.184.008)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21		(11.348.666.007)	(11.203.825.825)
2 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(16.439.133.708)	(3.632.050.298)
3 Tiền thu hồi cho vay của đơn vị khác	24		19.031.136.980	5.000.000.000
4 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		740.739.897	803.213.056
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(8.015.922.838)	(9.032.663.067)
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		7.917.070.500	8.850.000.000
2 Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(6.690.000.000)	(1.256.000.000)
3 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.155.997.164)	(899.342.435)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		71.073.336	6.694.657.565
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50		(1.754.839.053)	(7.235.189.510)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		4.322.694.385	11.557.883.895
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	5.1	2.567.855.332	4.322.694.385

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu

Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Nghệ An tiền thân là Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị tỉnh Nghệ An, được cổ phần hóa theo Quyết định số 3073/Q-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2014 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghệ An. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2900326985 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An (nay là Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Tài chính Tỉnh Nghệ An) cấp lần đầu ngày 02/6/2016; Đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 03/01/2025 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh.

Vốn điều lệ Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 ngày 03/01/2025 là 36.699.990.000 VND (Bằng chữ: Ba mươi sáu tỷ, sáu trăm chín mươi chín triệu, chín trăm chín mươi nghìn đồng).

Tên tiếng anh: Nghe An Urban Environment and Works Joint stock company; Tên viết tắt: Urencona

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán UpCOM với mã chứng khoán là NAU. Cổ phiếu NAU đang thuộc diện bị duy trì diện bị cảnh báo theo Quyết định số 398/QĐ-SGDHN ngày 08/04/2025 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 360, đường Đặng Thai Mai, phường Vinh Hưng, tỉnh Nghệ An, Việt Nam.

Tổng lao động của Công ty tại ngày 31/12/2025 là 543 người (tại ngày 31/12/2024 là 491 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh

- Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác (Quét thu gom rác đường, hè phố và các nơi công cộng thu gom rác thải: Sinh hoạt, xây dựng, công nghiệp, cho các cơ quan đơn vị và đến tận các hộ gia đình, hút, thông tắc hầm cầu);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa phân vào đâu (Bốc và vận chuyển rác về khu xử lý chất thải, tổ chức thu phí vệ sinh và thu gom rác trong khu dân cư);
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác; Thu gom rác thải không độc hại; Thu gom rác thải độc hại; Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại; Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại;
- Tái chế phế liệu; Hoạt động dịch vụ trồng và chăm sóc cảnh quan cây xanh;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Đầu tư, xây dựng, quản lý, khai thác, vận hành và duy tu bảo dưỡng nghĩa trang); Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ; Tư vấn xử lý môi trường.

Hoạt động chính của công ty trong năm là: Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác (Quét thu gom rác đường, hè phố và các nơi công cộng thu gom rác thải: Sinh hoạt, xây dựng, công nghiệp, cho các cơ quan đơn vị và đến tận các hộ gia đình, hút, thông tắc hầm cầu).

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của công ty không quá 12 tháng.

1.4 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

2. KỶ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ

2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 dương lịch hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Điều hành Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho (Tiếp theo)

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

**CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH
ĐÔ THỊ NGHỆ AN**

Số 360, đường Đặng Thai Mai, phường Vinh Hưng, tỉnh
Nghệ An, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc thiết bị	03 - 08
Phương tiện vận tải và truyền dẫn	06 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Nguyên tắc kế toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm: Công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa và chi phí khác.

Công cụ dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu chuyển quyền sử dụng phần mộ cá nhân

- Công trình nghĩa trang đã hoàn thành và chuyển giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng phần mộ cá nhân cho người mua;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch chuyển quyền sử dụng phần mộ;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc chắc chắn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch chuyển quyền sử dụng phần mộ cá nhân.

Doanh thu từ tiền lãi và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã ghi nhận trong năm.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Chi phí tài chính khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. *CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)*

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản chi phí không được khấu trừ hoặc không được chấp nhận là chi phí hợp lý, hợp lệ để tính thuế và các khoản lỗ từ các năm trước mang sang, nếu có.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Điều hành cho rằng hoạt động chính của Công ty là cung cấp dịch vụ vệ sinh môi trường và chủ yếu hoạt động trên địa bàn thành phố Vinh cũ, tỉnh Nghệ An. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

**CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH
ĐÔ THỊ NGHỆ AN**

Số 360, đường Đặng Thai Mai, phường Vinh Hưng, tỉnh
Nghệ An, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	258.784.701	1.960.047.315
Tiền gửi ngân hàng	2.008.700.768	2.362.647.070
Các khoản tương đương tiền (*)	300.369.863	-
Tổng	<u>2.567.855.332</u>	<u>4.322.694.385</u>

(*)Khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam có kỳ hạn không quá 3 tháng, lãi suất 1,5%/năm.

5.2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn	10.809.047.026	10.809.047.026	13.401.050.298	13.401.050.298
Tổng	<u>10.809.047.026</u>	<u>10.809.047.026</u>	<u>13.401.050.298</u>	<u>13.401.050.298</u>

Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 100823 ngày 01/8/2023; Số tiền gửi: 10.809.047.026 VND (Gốc: 10.000.000.000 VND; Lãi nhập gốc: 809.047.026 VND); Kỳ hạn: 06 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam; Lãi suất: 5,2%/năm.

**CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH
ĐÔ THỊ NGHỆ AN**

Số 360, đường Đặng Thai Mai, phường Vinh Hưng, tỉnh
Nghệ An, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.3 Phải thu khách hàng

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn		
Công ty CP Môi trường cây xanh Nghi Lộc	264.636.700	237.515.400
Công ty Môi trường cây xanh Diễn Châu	271.664.474	341.532.574
Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Vinh	13.344.407.185	-
Công ty CP Dịch vụ MT đô thị Hoàng Mai	322.429.000	322.429.000
Xã Kim Liên	90.300.000	173.700.318
CN Tập đoàn công nghiệp than - khoáng sản VN - Công ty	-	1.473.905.487
Công ty CP xây dựng T&C	1.624.119.311	-
Công ty CP Môi trường ĐT và dịch vụ du lịch Cửa Lò	-	409.437.058
Công ty Cổ phần xây dựng Hợp Lực	3.048.294.215	5.676.347.510
Công ty TNHH VSIP Nghệ An	366.950.736	172.419.840
Phòng quản lý đô thị - BQL dịch vụ công ích trên địa bàn thành phố Phúc Yên	-	1.572.536.135
Công ty Thủy Điện Bản vẽ - CN tổng Công ty phát điện 1	46.650.000	1.189.963.637
Khách hàng khác	13.912.604.871	8.309.866.281
Tổng	<u>33.292.056.492</u>	<u>19.879.653.240</u>

5.4 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ông Phạm Hữu Thắng	10.090.000	-	210.090.000	-
Ông Hồ Quang Huy	1.430.000.000	-	1.430.000.000	-
Ông Hoàng Lê Dũng	1.242.630.000	-	1.242.630.000	-
Ông Nguyễn Khắc Sáng	368.080.000	-	423.045.000	-
Phải thu khác	6.162.808.447	-	7.742.867.691	-
Tổng	<u>9.213.608.447</u>	-	<u>11.048.632.691</u>	-

**CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH
ĐÔ THỊ NGHỆ AN**

Số 360, đường Đặng Thai Mai, phường Vinh Hưng, tỉnh
Nghệ An, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.5 Nợ xấu

	31/12/2025 (VND)			01/01/2025 (VND)		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Công ty CP						
Dịch vụ MT đô thị Hoàng Mai	322.429.000	-	(322.429.000)	322.429.000	-	(322.429.000)
Đối tượng khác	54.690.000	-	(54.690.000)	54.690.000	-	(54.690.000)
Tổng	377.119.000	-	(377.119.000)	377.119.000	-	(377.119.000)

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	141.897.063	-	174.593.011	-
Công cụ, dụng cụ	29.694.606	-	50.864.679	-
Chi phí SXKD dở dang	1.040.245.131	-	644.495.159	-
Hàng hóa	-	-	87.054.545	-
Tổng	1.211.836.800	-	957.007.394	-

5.7 Chi phí trả trước

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	36.710.649	231.531.286
Chi phí sửa chữa tài sản	-	208.044.047
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	36.710.649	23.487.239
Dài hạn	9.819.903.720	7.411.905.649
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	314.145.115	335.574.759
Chi phí sửa chữa tài sản	9.386.038.019	6.146.011.238
Chi phí trả trước dài hạn khác	119.720.586	930.319.652
Tổng	9.856.614.369	7.643.436.935

CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÓ THỊ NGHỆ AN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Số 360, đường Đặng Thai Mai, phường Vinh Hưng, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.8 Tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Đơn vị tính: VND	
						Tổng
Nguyên giá						
Số dư tại 01/01/2025	184.956.990.677	2.887.674.963	59.355.573.115	2.374.927.865	249.575.166.620	
Tăng trong năm	10.961.223.684	-	9.960.508.887	225.454.546	21.147.187.117	
Mua trong năm	-	-	9.960.508.887	225.454.546	10.185.963.433	
Đầu tư XDCB hoàn thành	1.162.702.574	-	-	-	1.162.702.574	
Tặng khác	9.798.521.110	-	-	-	9.798.521.110	
Giảm trong năm	43.570.000	67.212.000	5.044.886.642	348.363.773	5.504.032.415	
Thanh lý, nhượng bán	43.570.000	67.212.000	5.044.886.642	348.363.773	5.504.032.415	
Số dư tại 31/12/2025	195.874.644.361	2.820.462.963	64.271.195.360	2.252.018.638	265.218.321.322	
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư tại 01/01/2025	36.901.206.593	916.582.170	40.496.518.553	1.209.369.173	79.523.676.489	
Tăng trong năm	11.250.727.761	404.397.396	5.223.490.148	295.811.283	17.174.426.588	
Khấu hao trong năm	1.999.170.108	404.397.396	5.223.490.148	295.811.283	7.922.868.935	
Tặng khác	9.251.557.653	-	-	-	9.251.557.653	
Giảm trong năm	43.570.000	67.212.000	4.136.588.286	348.363.773	4.595.734.059	
Thanh lý, nhượng bán	43.570.000	67.212.000	4.136.588.286	348.363.773	4.595.734.059	
Số dư tại 31/12/2025	48.108.364.354	1.253.767.566	41.583.420.415	1.156.816.683	92.102.369.018	
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2025	148.055.784.084	1.971.092.793	18.859.054.562	1.165.558.692	170.051.490.131	
Tại ngày 31/12/2025	147.766.280.007	1.566.695.397	22.687.774.945	1.095.201.955	173.115.952.304	

CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÓ THỊ NGHỆ AN

Số 360, đường Đặng Thai Mai, phường Vinh Hưng, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay tại ngày 31/12/2025 là 19.683.329.488 VND (tại ngày 01/01/2025 là 11.845.221.273 VND).

Nguyên giá TSCĐ hữu hình hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 22.365.161.198 VND (tại ngày 01/01/2025 là 15.750.373.539 VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.9 Phải trả người bán

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn				
Công ty TNHH Hoàng Minh	818.476.000	818.476.000	818.476.000	818.476.000
Công ty TNHH đầu tur và phát triển thương mại Tràng An	5.354.618.890	5.354.618.890	1.328.121.550	1.328.121.550
Công ty Xăng dầu Nghệ An	256.306.435	256.306.435	2.278.329.097	2.278.329.097
Công ty TNHH xăng dầu Nguyễn Vinh	284.531.201	284.531.201	912.289.328	912.289.328
Công ty TNHH Dịch vụ Sông Gang	-	-	86.954.000	86.954.000
Công ty TNHH Hoài Quang	5.157.827.037	5.157.827.037	3.865.709.650	3.865.709.650
Các đối tượng khác	6.619.197.529	6.619.197.529	5.756.848.563	5.756.848.563
Tổng	18.490.957.092	18.490.957.092	15.046.728.188	15.046.728.188

5.10 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Nghệ An	2.188.839.000	-
Ban quản lý Dự án Đầu tư xây dựng Thành phố Vinh	-	4.000.000.000
Các đối tượng khác	514.426.016	710.222.186
Tổng	2.703.265.016	4.710.222.186

CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ NGHỆ AN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Số 360, đường Đặng Thai Mai, phường Vinh Hưng, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.11 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Phải nộp	01/01/2025	Phải nộp trong năm	Đã nộp trong năm	31/12/2025
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1.217.552.342	12.581.394.849	12.704.958.813	1.093.988.378
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.483.674.235	1.962.858.283	2.616.712.266	829.820.252
Thuế thu nhập cá nhân	-	959.399.487	951.839.487	7.560.000
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	138.329.347	138.329.347	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	276.230.732	1.642.874.155	1.919.104.887	-
Tổng	2.977.457.309	17.287.856.121	18.333.944.800	1.931.368.630

**CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH
ĐÔ THỊ NGHỆ AN**

Số 360, đường Đặng Thai Mai, phường Vinh Hưng, tỉnh
Nghệ An, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.12 Phải trả khác

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	15.824.724.562	14.221.728.489
Kinh phí công đoàn	-	(715.551.792)
Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN	1.389.218.319	1.193.926.400
Công trình nghĩa trang (*)	13.470.582.260	12.035.878.262
Các khoản phải trả khác	964.923.983	1.707.475.619
Dài hạn	7.973.000.000	9.610.704.000
Công trình nghĩa trang (*)	7.892.000.000	9.521.704.000
Các khoản phải trả khác	81.000.000	89.000.000
Tổng	<u>23.797.724.562</u>	<u>23.832.432.489</u>

(*) Phải trả khác liên quan các công trình nghĩa trang là giá trị ứng trước của khách hàng để nhận chuyển quyền sử dụng phần mộ cá nhân tại các nghĩa trang.

CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ NGHỆ AN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Số 360, đường Đặng Thai Mai, phường Vinh Hưng, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.13 Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2025 (VND)		Phát sinh trong năm (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	3.392.000.000	3.392.000.000	3.392.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (*)	3.392.000.000	3.392.000.000	3.392.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
Vay dài hạn	8.345.070.500	8.345.070.500	7.917.070.500	7.082.000.000	7.510.000.000	7.510.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (*)	8.345.070.500	8.345.070.500	7.917.070.500	7.082.000.000	7.510.000.000	7.510.000.000
Tổng	11.737.070.500	11.737.070.500	11.309.070.500	10.082.000.000	10.510.000.000	10.510.000.000

(*) Khoản vay theo các hợp đồng tín dụng số: 01/2021/8142103/HĐTD ngày 24/11/2021; Hạn mức tín dụng: 4.000.000.000 VND; Thời hạn: 60 tháng; Lãi suất: 10,5% (6 tháng điều chỉnh 1 lần); Mục đích vay: Cho vay đầu tư tài sản cố định. Hợp đồng tín dụng số: 01/2024/8142103/HĐTD ngày 23/01/2024; Hạn mức tín dụng: 5.850.000.000 đồng, Thời hạn: 60 tháng kể từ ngày rút vốnLãi suất: Quy định cụ thể tại từng văn bản rút vốn (6 tháng điều chỉnh 1 lần), Mục đích vay: Cho vay đầu tư tài sản cố định; Hợp đồng tín dụng số: 01/2025/8142103/HĐTD ngày 21/04/2025; Hạn mức tín dụng: 14.094.000.000 đồng; Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày rút vốnLãi suất: 8,8%/năm (6 tháng điều chỉnh 1 lần); Mục đích vay: Cho vay đầu tư "Chương án mua sắm phương tiện phục vụ công tác sản xuất năm 2025.

Mẫu số B 09 - DN

CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ NGHỆ AN

Số 360, đường Đặng Thai Mai, phường Vinh Hưng, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.14 Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
Số dư ngày 01/01/2024	36.699.990.000	661.510.384	1.798.684.869	39.160.185.253
Lãi năm trước	-	-	2.311.994.329	2.311.994.329
Chia cổ tức	-	-	(899.342.435)	(899.342.435)
Trích lập quỹ	-	269.802.730	(899.342.434)	(629.539.704)
Số dư ngày 31/12/2024	36.699.990.000	931.313.114	2.311.994.329	39.943.297.443
Số dư ngày 01/01/2025	36.699.990.000	931.313.114	2.311.994.329	39.943.297.443
Lãi năm nay	-	-	3.514.429.463	3.514.429.463
Chia cổ tức (*)	-	-	(1.155.997.164)	(1.155.997.164)
Trích lập quỹ (*)	-	346.799.149	(1.155.997.165)	(809.198.016)
Số dư ngày 31/12/2025	36.699.990.000	1.278.112.263	3.514.429.463	41.492.531.726

(*) Theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHCĐ ngày 25/4/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, Công ty đã thực hiện chia cổ tức năm 2024 với tỷ lệ 3,14% vốn điều lệ tương đương 1.155.997.164 VND và trích Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ khen thưởng phúc lợi với số tiền lần lượt là 346.799.149 VND và 809.198.016 VND.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Vốn góp của UBND tỉnh Nghệ An	29.652.990.000	29.652.990.000
Vốn góp của cán bộ công nhân viên Công ty	7.047.000.000	7.047.000.000
Tổng	36.699.990.000	36.699.990.000

c) Các giao dịch về vốn

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	36.699.990.000	36.699.990.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	36.699.990.000	36.699.990.000
Cổ tức đã chia	1.155.997.164	899.342.435

5.14 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

d) Cổ phiếu

	31/12/2025	01/01/2025
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.669.999	3.669.999
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.669.999	3.669.999
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.669.999	3.669.999
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

5.15 Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ đầu năm	125.886.593.590	105.570.158.464
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ tăng trong năm	9.798.521.110	28.460.827.500
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ giảm trong năm	9.251.557.653	8.144.392.374
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ cuối năm (*)	<u>126.433.557.047</u>	<u>125.886.593.590</u>

(*) Tài sản cố định hình thành từ nguồn kinh phí này là Khu liên hợp xử lý rác thải Nghi Yên và một số tài sản khác liên quan. Các tài sản này được Cơ quan chức năng giao cho Công ty CP Môi trường và Công trình đô thị Nghệ An quản lý, không tính là thành phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp và được tính hao mòn theo quy định.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	227.246.748.045	174.295.849.746
Doanh thu chuyển quyền sử dụng phần mộ cá nhân	2.923.951.074	5.116.067.556
Tổng	230.170.699.119	179.411.917.302

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	191.117.081.341	146.202.751.807
Giá vốn chuyển quyền sử dụng phần mộ cá nhân	370.868.706	1.630.721.160
Tổng	191.487.950.047	147.833.472.967

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	740.739.897	803.213.056
Tổng	740.739.897	803.213.056

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền vay	794.953.484	640.978.243
Tổng	794.953.484	640.978.243

6.5 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí bán hàng		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.120.353.877	-
Chi phí khác bằng tiền	43.958.000	12.518.272
Tổng	1.164.311.877	12.518.272
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	10.462.768.109	9.765.792.427
Chi phí vật liệu quản lý	650.894.464	483.874.826
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	664.529.015	765.499.934
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.631.187.200	1.459.440.241
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.953.594.838	7.677.268.330
Chi phí bằng tiền khác	7.531.092.492	7.170.156.107
Tổng	28.894.066.118	27.322.031.865

6.6 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thu nhập khác		
Thanh lý tài sản cố định	272.727.273	-
Thu nhập khác	12.962.963	-
Tổng	285.690.236	-
Chi phí khác		
Truy thu thuế và phạt thuế	3.761.028.276	1.761.567.811
Tiền chậm nộp BHXH	37.371.871	34.576.756
Thanh lý tài sản cố định	404.298.356	-
Chi phí khác	19.679.901	43.798.000
Tổng	4.222.378.404	1.839.942.567
Thu nhập khác/Chi phí khác (thuần)	(3.936.688.168)	(1.839.942.567)

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.633.469.322	2.566.186.444
Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	3.818.080.048	1.833.144.567
- Chi phí không được trừ	3.818.080.048	1.833.144.567
Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	-	7.193.507.701
- Doanh thu đã tính thuế TNDN	-	7.193.507.701
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	8.451.549.370	(2.794.176.690)
- Chuyển lỗ	(2.856.350.073)	-
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	5.595.199.297	(2.794.176.690)
<i>Trong đó:</i>		
Thu nhập tính thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh	4.708.281.648	(4.065.137.265)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh bất động sản	886.917.649	1.270.960.575
Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.119.039.859	254.192.115

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.514.429.463	2.311.994.329
Các khoản điều chỉnh giảm		
<i>Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	<i>(1.230.050.312)</i>	<i>(809.198.015)</i>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.284.379.151	1.502.796.314
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	3.669.999	3.669.999
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	622	409

Công ty xác định số dự kiến trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 từ lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025 tại Điều 4 của Nghị quyết số 01/NQ-ĐHCD ngày 25/4/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

6.9 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	37.143.756.749	22.985.535.920
Chi phí nhân công	131.111.201.375	101.693.710.927
Chi phí khấu hao TSCĐ	7.938.488.939	7.703.098.890
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.442.853.572	24.223.536.355
Chi phí khác bằng tiền	18.973.955.648	18.185.182.810
Tổng	221.610.256.283	174.791.064.902

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1 Giao dịch với các Bên liên quan

a) Thông tin về các Bên liên quan

Đối tượng	Mối quan hệ
Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này	Ảnh hưởng đáng kể

b) Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và tiền lương của Ban Giám đốc và người quản lý khác

Hội đồng Quản trị		Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Ban Giám đốc	Chức danh		
Ông Nguyễn Chí Thông	Chủ tịch HĐQT	712.260.540	519.105.000
Ông Phú Văn Phụng	Thành viên HĐQT (Giám đốc)	584.355.000	489.594.000
Ông Phạm Văn Dương	Thành viên HĐQT (Phó Giám đốc)	381.403.000	289.365.000
Ông Nguyễn Công Đức	Thành viên HĐQT (Phó Giám đốc)	514.507.000	387.333.000
Ông Phạm Quang Dự	Thành viên HĐQT (Kế toán trưởng)	451.660.000	381.476.000
Ông Hoàng Trọng Tài	Phó Giám đốc	464.559.000	379.308.202
Ông Nguyễn Trí Dũng	Phó Giám đốc	327.753.520	257.074.248
		Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Ban kiểm soát			
Ban kiểm soát	Chức danh		
Bà Lê Thị Hồng Kỳ	Trưởng Ban Kiểm soát	448.717.645	131.684.667
Bà Lê Thị Tuyết Dung	Thành viên Ban kiểm soát	287.550.000	241.144.500
Ông Hoàng Nghĩa Chiến	Thành viên Ban kiểm soát	256.732.000	190.620.000

7.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

Vinh, ngày 20 tháng 4 năm 2026

Người lập



Dương Hồng Mai

Chủ tịch HĐQT




Nguyễn Chí Thông